

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2023/HS-PT

Ngày: 13-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Trương Công Huân.

2/ Ông Phan Thanh Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2023, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 277/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lê Trọng B, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 177/2023/HSST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Trọng B**, sinh năm 1985 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: 2 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: B ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp độ_VH 12/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trọng L và bà Nguyễn Thị B1; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 10/10/2020 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện H kết hợp với Công an xã X kiểm tra hành chính quán giải khát số B ấp X, xã X, huyện H phát hiện bắt quả tang Lê Trọng B cất giấu ma túy, thu giữ

tại khu vực nhà bếp: 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, trong xô nhựa đựng gạo có 01 hũ thủy tinh bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (ký hiệu mẫu m) (BL50-52). Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của B và Nguyễn Thị Bích P thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi màu đen, 01 cân tiểu ly, 02 ống hút nhựa được cắt nhọn 01 đầu, 01 bình ga, 01 hộp quẹt ga, 04 co thủy tinh, 01 số bịch nylon nhỏ không chứa gì, 01 xe máy biển số 59M1-073.39, 01 xe máy biển số 66B1-481.03.

Qua điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Bằng và P sống chung như vợ chồng tại nhà số B, ấp X, xã X, huyện H do B thuê, và phía trước bán cà phê cho khách từ ngày 13/9/2020. Bằng mua ma túy của đối tượng không rõ lai lịch về cất giấu để cả hai cùng sử dụng và phân lẻ để bán lại và cho người mua sử dụng tại khu vực nhà bếp của mình. Cụ thể, ngày 01/10/2020 B mua ma túy với giá 650.000 đồng, sau đó bỏ 01 ít vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trong nhà bếp để sử dụng, đến khoảng 20 giờ ngày 04/10/2020 có bạn tên L1 (không rõ lai lịch) dẫn theo Nguyễn Đoàn A H đến quán mua ma túy, B cho cả hai sử dụng ma túy tại nhà bếp của quán. Sau khi cả hai sử dụng ma túy xong thì B đưa cho L1 01 gói ma túy và lấy 150.000 tiền bán ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 07/10/2020, P đưa cho B số tiền 3.000.000 đồng để mua ma túy về bán lại kiếm lời, B bỏ thêm 1.500.000 đồng, tổng cộng 4.500.000 đồng mua ma túy của 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) mang đến giao cho B tại quán cà phê. Bằng lấy 01 ít ma túy bỏ vào nỏ để B và P sử dụng, phần còn lại Bằng bỏ trong hộp thủy tinh bỏ trong xô nhựa đựng gạo trong nhà bếp cất giấu để bán lại cho người nghiện đến uống cà phê và để sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 10 ngày 10/10/2020, P thấy ma túy có sẵn trong nỏ nên đã lấy sử dụng, khi vừa sử dụng xong thì bị Công an phát hiện, lúc này trong phòng có Bằng, đồng thời P giao nộp số ma túy B đã cất giấu. Cả hai đã khai nhận số ma túy bị thu giữ của cả hai mua về để sử dụng và bán lại kiếm lời nên Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang như trên.

Tại bản kết luận giám định số 1762/KLGD-H ngày 19/10/2020 của Phòng K Công an thành phố H kết luận (BL70): Tinh thể không màu (ký hiệu mẫu m), đưa đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 19,9049g loại Methamphetamine.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 177/2023/HSST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Trọng B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 256; các Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Trọng B 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 02 (hai) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Trọng B phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/10/2020.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích P 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy và áp dụng Điều 116 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, quy đổi 12 tháng chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc bằng 08 tháng tù để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù; tuyên xử lý vật chứng; về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2023, bị cáo Lê Trọng B làm đơn kháng cáo, xin Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tội danh của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Tòa sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tuyên bị cáo không phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Trọng B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” thì bị cáo nhiều lần thay đổi lời khai và tại phiên tòa bị cáo khai có hành vi đưa ma túy cho bị cáo P sử dụng ma túy cùng bị cáo. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, nhưng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

Đối với phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích P: Cấp sơ thẩm chỉ xác định bị cáo P chỉ có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhưng lại áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này để xử phạt mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là áp dụng không đúng luật. Bị cáo Nguyễn Thị Bích P thực hiện hai hành vi trái pháp luật khác nhau vào hai thời điểm khác nhau và nên không thuộc trường hợp được áp dụng Điều 116 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, để lấy thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù theo công thức qui đổi 1,5 ngày chấp hành biện pháp xử lý hành chính bằng 01 ngày tù. Cấp sơ thẩm lấy thời gian bị cáo chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc qui đổi bằng 8 tháng tù để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo P1 là áp dụng pháp luật tùy tiện.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại. Do đề nghị hủy án nên không xét kháng cáo của bị cáo Lê Trọng B.

Bị cáo Lê Trọng B trình bày lời bào chữa như sau:

Bị cáo nhận thấy hồ sơ vụ án gồm biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản ghi lời khai và Cáo trạng của Viện kiểm sát không mô tả đúng với sự thật

khách quan của vụ án. Lời khai của bị cáo và nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang có nhiều mâu thuẫn và có dấu hiệu làm sai lệch. Bị cáo hoàn toàn không quen biết với các nhân chứng của vụ án mà các nhân chứng có lời khai buộc tội bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo nhiều lần bị những cán bộ điều tra ép cung, nhục hình để bị cáo ký vào các biên bản làm việc.

Luận cứ của Luật sư Nguyễn Thị Dạ M bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc hủy bản án sơ thẩm. Theo Luật sư các lý do đề nghị hủy án như sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản khám xét có sự mâu thuẫn giữa bị cáo P và bị cáo B. P khai có hành vi lấy ma túy ra giao nộp cho Công an, nhưng B lại khai Công an tự ý vào nhà bị cáo lấy ma túy.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/10/2020, bị cáo P khai nhận đã bị ép cung, nhục hình. Còn đối với hai người làm chứng là bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc M1 thì có lời khai không thống nhất với nhau.

- Các biên bản ghi lời khai bị sửa chữa, nhưng không được ký xác nhận tại phần sửa chữa là đã vi phạm tố tụng.

- Đối tượng H có những lời khai không rõ ràng, lần đầu H khai mua ma túy với giá 500.000 đồng, nhưng sau đó lại khai mua với giá 100.000 đồng, nên không đáng tin cậy. Kết luận điều tra và Cáo trạng có sự mâu thuẫn về việc đối tượng H mua ma túy của bị cáo B.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với bị cáo như sau:

- Bị cáo cho rằng nhân chứng hoàn toàn không quen biết với bị cáo, nhưng có lời khai buộc tội bị cáo, là không đúng. Vì chứng nhân chứng chỉ là người trình bày những gì tai nghe, mắt thấy và lời khai của nhân chứng phù hợp với các tình tiết khách quan khác của vụ án.

- Bị cáo nhiều lần thay đổi lời khai về việc H mua ma túy của bị cáo, lúc thì khai mua với giá 100.000 đồng, lúc thì mua với giá 350.000 đồng. Bị cáo khai bị cáo P bị ép cung, nhưng không có bất cứ tài liệu gì để chứng minh.

- Tại phiên tòa ngày 20/8/2022, bị cáo khai tiền mua ma túy là của P đưa và số tiền mua ma túy là 4 triệu rưỡi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với Luật sư bào chữa cho bị cáo như sau:

- Cáo trạng của Viện kiểm sát dựa vào kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án nên nội dung Cáo trạng và Kết luận điều tra mâu thuẫn là không có gì sai và nó không làm thay đổi bản chất của vụ án.

- Luật sư cho rằng các biên bản ghi lời khai trong quá trình điều tra có dấu hiệu làm sai lệch nhưng không có tài liệu gì để chứng minh, nên lời bào chữa của Luật sư là không có căn cứ.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư tranh luận, đối đáp lại với đại diện Viện kiểm sát như sau: Bị cáo P mặc dù không được gặp mặt bị cáo B, nhưng P vẫn có lời khai cho rằng bị ép cung, nhục hình. Biên bản đối chất và biên bản nhận dạng có sự tham gia của hai Kiểm sát viên khác nhau là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát, Luật sư và bị cáo không còn tranh luận về nội dung nào khác và đều bảo lưu ý kiến đã tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Tòa xem xét lại tội danh của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Trọng Bằng thừa n 19,9049g chất ma túy, loại Methamphetamine mà Công an huyện H thu giữ vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 10/10/2020 tại nơi ở của bị cáo, là của bị cáo mua để bị cáo cùng Nguyễn Thị Bích P sử dụng, chứ không phải để bán. Bị cáo cũng không thừa nhận đã có hành vi bán ma túy cho người có tên L1 và Nguyễn Đoàn Anh H1 và không cho hai người này sử dụng ma túy tại nơi ở của bị cáo. Đồng thời bị cáo khai rằng trong quá trình điều tra, Điều tra viên ép cung, nhục hình, buộc bị cáo phải khai những nội dung không có thật như là ngày 04/10/2020 Nguyễn Đoàn Anh H1 và L1 đến quán của bị cáo uống nước, sau đó mua ma túy của bị cáo và bị cáo cho H1 cùng với L1 sử dụng ma túy tại quán với các công cụ sử dụng ma túy do bị cáo cung cấp.

[3] Xét lời khai trên của bị cáo Lê Trọng B là không có căn cứ, bởi nó không phù hợp với các chứng cứ khách quan khác của vụ án, cụ thể: (1) Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lúc 01 giờ 05 phút ngày 10/10/2020 có bà Phạm Thị Hồng N chứng kiến, bị cáo khai như sau: “ Tôi và vợ tôi bán ma túy tại nhà được khoảng 10 ngày, bằng cách khi người nghiện đến đưa tiền, tôi đưa ma túy bỏ vào bộ dụng cụ để sử dụng; Ngày 07/10/2020 vợ tôi có đưa cho tôi 3.000.000 đồng để mua ma túy về sử dụng chung và bán lại cho người nghiện, tôi gọi điện thoại cho người đàn ông không rõ lai lịch hỏi mua ma túy đá với giá 3.000.000 đồng, sau đó có người phụ nữ mang ma túy đến giao, tôi nhận rồi đem về nhà cất giữ”; còn bị cáo Nguyễn Thị Bích P thì khai: “Ngày 07/10/2020 tôi có đưa cho chồng tôi 3.000.000 đồng để mua ma túy, sau đó có người phụ nữ đến giao ma túy cho chồng tôi.... Tôi biết chồng tôi bán ma túy, tôi có thấy một số người đến mua ma túy bằng cách đưa tiền, rồi chồng tôi bỏ ma túy vào trong nỏ cho con nghiện sử dụng”. (2) Bản tự khai và lời khai trong quá trình điều tra bị cáo đều khai với nội dung trên và thừa nhận: Khoảng 20 giờ ngày

04/10/2020 bị cáo có bán ma túy cho Nguyễn Đoàn A H1 và L1 và cho hai người này sử dụng ma túy tại nhà của bị cáo; bị cáo khai nhận số ma túy mà bị cáo mua vào ngày 07/10/2020 thì bị cáo lấy 01 ít bỏ vào nỏ để bị cáo và P sử dụng, phần còn lại bỏ trong hộp thủy tinh bỏ trong xô nhựa đựng gạo trong nhà bếp, cất giấu để bán lại cho người nghiện đến uống cà phê và để sử dụng ma túy. (3) Các lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Bích P trong quá trình điều tra có nội dung: Bị cáo P biết bị cáo B có bán ma túy tại nhà và vào ngày 07/10/2020 bị cáo P đưa cho bị cáo B 3.000.000 đồng để mua ma túy về sử dụng và để bán lại; khi Công an vào quán kiểm tra thì bị cáo P là người lấy gói ma túy mà bị cáo B cất giấu trong hũ gạo ra giao nộp cho Công an. (4) Lời khai của Nguyễn Đoàn A H1 cũng xác định: Khoảng 20 giờ ngày 04/10/2020 có bạn tên L1 dẫn H1 đến quán của bị cáo B thì bị cáo B dẫn H1 và L1 vào nhà bếp để sử dụng ma túy và sau khi sử dụng ma túy thì H1 trả 100.000 đồng và L1 trả cho B 200.000 đồng cho bị cáo B. Do đó, cấp sơ thẩm xác định 19,9049g loại Methamphetamine mà Công an huyện H thu giữ vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, tại nơi ở của bị cáo số B ấp X, xã X, huyện H là của bị cáo và bị cáo Nguyễn Thị Bích P góp tiền mua để sử dụng và để bán lại cho người khác; Xác định vào ngày 04/10/2020 L1 và Nguyễn Đoàn A H1 đến nhà của bị cáo mua ma túy và bị cáo lấy ma túy đã để sẵn trong nỏ cho L1 cùng Nguyễn Đoàn A H1 sử dụng tại khu vực nhà bếp của bị cáo, là có cơ sở. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Trọng B và bị cáo Nguyễn Thị Bích P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo Lê Trọng B về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 của Bộ luật này là có không chính xác. Bởi lẽ, bị cáo Lê Trọng B đã có hành vi bán ma túy cho L1 và Nguyễn Đoàn Anh H1, cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy và cho L1 cùng Nguyễn Đoàn A H1 sử dụng ma túy tại nhà của bị cáo có dấu hiệu phạm vào tội khác, nặng hơn tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” mà cấp sơ thẩm truy tố, xét xử đối với bị cáo B. Do đó, cấp sơ thẩm xác định 19,9049g loại Methamphetamine mà Công an huyện H thu giữ vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, tại nơi ở của bị cáo số B ấp X, xã X, huyện H là của bị cáo và bị cáo Nguyễn Thị Bích P góp tiền mua để sử dụng và để bán lại cho người khác; Xác định L1 và Nguyễn Đoàn A H1 đến nhà của bị cáo mua ma túy và bị cáo lấy ma túy đã để sẵn trong nỏ cho L1 cùng Nguyễn Đoàn A H1 sử dụng tại khu vực nhà bếp của bị cáo vào ngày 04/10/2020, là có căn cứ.

Như vậy, bị cáo Lê Trọng B và bị cáo Nguyễn Thị Bích P đã có hành vi góp tiền mua ma túy để sử dụng chung và để bán lại đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội này là có căn cứ, đúng tội. Bị cáo Lê Trọng B có hành vi lấy ma túy mà bị cáo đã mua bỏ sẵn trong dụng cụ sử dụng ma túy để bán cho người khác và cho họ sử dụng ma túy ngay tại nơi thuộc quyền quản lý của mình đã thỏa mãn các dấu hiệu của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, nhưng cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là không đúng tội.

[4] Xét các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Trong phần nội dung bản án sơ thẩm xác định: “Ngày 07/10/2020, P đưa cho B số tiền 3.000.000 đồng để mua ma túy về bán kiếm lời, B bỏ thêm 1.500.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng để mua ma túy...”. Như nội dung trên thì về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo P có vai trò lớn hơn bị cáo B, bởi lẽ bị cáo P là người chủ động đưa tiền cho bị cáo B để mua ma túy về bán và số tiền mà bị cáo P góp mua gấp 02 lần số tiền của bị cáo B. Nhưng cấp sơ thẩm nhận định bị cáo P là người giúp sức, có vai trò không đáng kể, là đánh giá không đúng tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo P trong lần phạm tội này.

Trong phần quyết định: Cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo Nguyễn CThị Bích P2 một tình tiết giảm nhẹ nào tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhưng lại áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này để xử phạt bị cáo P2 04 năm 06 tháng tù, là mức án thuộc khung hình phạt nhẹ hơn liền kề với khung hình phạt được áp dụng, là trái pháp luật.

[5] Theo hồ sơ vụ án thì bị cáo Nguyễn Thị Bích P cùng bị cáo Lê Trọng B thực hiện hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vào ngày 07/10/2020 và bị phát hiện vào ngày 10/10/2020, nhưng các cơ quan tố tụng hình sự có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo P. Đến ngày 15/01/2021, bị cáo P bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị cáo thực hiện vào ngày 16/10/2020. Sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc thì bị cáo P bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mà bị cáo thực hiện vào ngày 07/10/2020, nhưng cấp sơ thẩm căn cứ Điều 116 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định 12 tháng bị cáo chấp hành biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc bằng 08 tháng tù và trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù, là vận dụng pháp luật tùy tiện. Vì lẽ, đây là 02 hành vi trái pháp luật khác nhau, thực hiện vào 02 thời điểm khác nhau mà theo tinh thần Điều 116 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì người bị xử lý hành chính mà sau đó bị phạt tù về hành vi đã bị xử lý hành chính thì mới qui đổi theo công thức cứ 1,5 ngày chấp hành biện pháp xử lý hành chính bằng 01 ngày tù và trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Đối với trường hợp của bị cáo P, nếu đến ngày xét xử mà bị cáo chưa chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc thì Tòa áp dụng Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 để miễn chấp hành phần thời gian cai nghiện còn lại.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và không thuộc trường hợp sửa bản án sơ thẩm, nên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên hủy bản án sơ thẩm, để điều tra, truy tố và xét xử lại vụ án cho đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do hủy bản án nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Hủy bản án sơ thẩm hình sự số 177/2023/HSST, ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố lại theo đúng qui định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (9)
- Đương sự (1)
- THA huyện Hóc Môn; (1)
- TAND huyện Hóc Môn; (1)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu

